Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3003.10.20

Mã HS	3003.10.20
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hoặc nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, chưa được đóng gói theo liều lượng hoặc làm thành hình dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Chứa penicillins hoặc dẫn xuất của chúng, có cấu trúc axit penicillanic, hoặc streptomycins hoặc các dẫn xuất của chúng: / - - Chứa ampicillin (INN) hoặc muối của nó
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 13:58:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30031020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	12	12%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4555
Thuế NK ưu đãi (MFN)	8	8%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4555
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4555
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, LA)	0% (trừ ID, LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	4,4	4,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.6	5,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4476
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4437
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4437
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4437
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4437
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4437
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4437
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4475
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4475
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4475
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4475

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4475
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4475
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4479
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4479
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4479
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4479
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4479
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4479
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4479
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4443
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F4439
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G4439
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H4439
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I4439
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J4439
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K4439
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4439
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4439
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4439
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4439
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4439
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4439
VCFTA	2022	2022	3	VC!D4486
VCFTA	2023	2023	2	VC!E4486
VCFTA	2024	2024	2	VC!F4486
VCFTA	2025	2025	1	VC!G4486

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	1	VC!H4486
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4486
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4483
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4483
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4483
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4483
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4483
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4483
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D609
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E609
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4491
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4491
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4491
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4491
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4491
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4491
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D4462
EVFTA	2023	2023	4	EV-NK!E4462
EVFTA	2024	2024	3	EV-NK!F4462
EVFTA	2025	2025	2	EV-NK!G4462
EVFTA	2026	2026	1	EV-NK!H4462
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4462
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D4464
UKVFTA	2023	2023	4	UKV!E4464
UKVFTA	2024	2024	3	UKV!F4464
UKVFTA	2025	2025	2	UKV!G4464

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	1	UKV!H4464
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4464
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4462
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4462
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4462
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4462
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4462
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4462
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4462
RCEP A	2022	2022	7,2	RCEPT-A!D4483
RCEP A	2023	2023	6,4	RCEPT-A!E4483
RCEP A	2024	2024	5,6	RCEPT-A!F4483
RCEP A	2025	2025	4,8	RCEPT-A!G4483
RCEP A	2026	2026	4	RCEPT-A!H4483
RCEP A	2027	2027	3,2	RCEPT-A!I4483
RCEP B	2022	2022	7,2	B!D4483
RCEP B	2023	2023	6,4	B!E4483
RCEP B	2024	2024	5,6	B!F4483
RCEP B	2025	2025	4,8	B!G4483
RCEP B	2026	2026	4	B!H4483
RCEP B	2027	2027	3,2	B!I4483
RCEP C	2022	2022	7,2	C!D4483
RCEP C	2023	2023	6,4	C!E4483
RCEP C	2024	2024	5,6	C!F4483
RCEP C	2025	2025	4,8	C!G4483
RCEP C	2026	2026	4	C!H4483

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	3,2	C!I4483
RCEP D	2022	2022	7,3	D!D4483
RCEP D	2023	2023	6,5	D!E4483
RCEP D	2024	2024	5,8	D!F4483
RCEP D	2025	2025	5,1	D!G4483
RCEP D	2026	2026	4,4	D!H4483
RCEP D	2027	2027	3,6	D!I4483
RCEP E	2022	2022	7,2	E!D4486
RCEP E	2023	2023	6,4	E!E4486
RCEP E	2024	2024	5,6	E!F4486
RCEP E	2025	2025	4,8	E!G4486
RCEP E	2026	2026	4	E!H4486
RCEP E	2027	2027	3,2	E!I4486
RCEP F	2022	2022	7,2	F!D4483
RCEP F	2023	2023	6,4	F!E4483
RCEP F	2024	2024	5,6	F!F4483
RCEP F	2025	2025	4,8	F!G4483
RCEP F	2026	2026	4	F!H4483
RCEP F	2027	2027	3,2	F!I4483
VIFTA	2024	2024	7.2	VI!F4126
VIFTA	2025	2025	6.4	VI!G4126
VIFTA	2026	2026	5.6	VI!H4126
VIFTA	2027	2027	4.8	VI!I4126

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3003.10 có 3 dòng thuế; dòng 3003.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Chứa ampicillin (INN) hoặc muối của nó.	3003.10.10 Chứa amoxicillin (INN) hoặc muối của nó; 3003.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3003.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 8% của mã 3003.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4555), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.